

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu bổ sung dự toán kinh phí năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS&THPT QUẢNG LA

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1668/QĐ-SGDĐT ngày 04/12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc giao bổ sung dự toán kinh phí năm 2024 cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của bộ phận Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu bổ sung dự toán kinh phí năm 2024 của trường THCS&THPT Quảng La.

(có biểu chi tiết đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phó Hiệu trưởng, Tổ trưởng tổ Văn phòng và các tổ chức, cán bộ, giáo viên, nhân viên có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Kim Thu

Đơn vị: Trường THCS&THPT Quảng La

Chương: 422



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 214 /QĐ-THCS&THPT QL ngày 07/12/2024 của
Hiệu trưởng Trường THCS&THPT Quảng La)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.072.000.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	1.072.000.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1.072.000.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	866.000.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	206.000.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

Số: 1668/QĐ-SGDĐT

Quảng Ninh, ngày 04 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao bổ sung dự toán kinh phí năm 2024 cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020;

Căn cứ Quyết định số 3489/QĐ-UBND ngày 03/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cấp bổ sung dự toán cho các cơ quan, đơn vị kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao bổ sung kinh phí cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo để thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP năm 2024, bao gồm:

- Kinh phí tự chủ để thực hiện mức lương cơ sở: 29.530 triệu đồng;
- Kinh phí không tự chủ để chi chế độ tiền thưởng: 9.211 triệu đồng.

(Biểu chi tiết kèm theo Quyết định).

Nguồn kinh phí cải cách tiền lương, dự toán ngân sách tỉnh năm 2024

Điều 2. Căn cứ dự toán được giao, đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện phân khai kinh phí theo đúng mục đích, chế độ, chính sách hiện hành. Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và quyết toán ngân sách theo đúng quy định của luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN tỉnh (huyện, thị xã, thành phố);
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- Lưu: VT, KHTC7.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thúy

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Quảng La

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1032463-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2811

(Kèm theo Quyết định số 668/QĐ-SGDĐT ngày 04/12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	
- Học phí	
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	
- Học phí	
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	1.072
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	1.072
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	866
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	206
- Chi chế độ tiền thưởng theo ND 73/2024/ND-CP	206
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	

Số: 3489/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 13 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cấp bổ sung dự toán cho các cơ quan, đơn vị kinh phí
thực hiện nhiệm vụ được giao**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 202/2024/NQ-HĐND ngày 19/4/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc bổ sung cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách địa phương, điều chỉnh bổ sung, phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2024 và một số nội dung thuộc lĩnh vực tài chính- ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị quyết số 226/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2024 ;

Căn cứ Thông báo Kết luận số 1317-KL/BCSĐ ngày 03/12/2024 của Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao bổ sung/phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị;

Căn cứ Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ các Quyết định của Sở Tài chính: Số 6025/QĐ-STC và số 6026/QĐ-STC ngày 14/11/2024 phê duyệt quyết toán kinh phí đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với Công ty TNHH MTV thủy lợi Yên Lập Quảng Ninh và Công ty TNHH MTV thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh;

Theo đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông (Văn bản số 2760/STTT-VP ngày 25/10/2024); của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (Văn bản số 8028/BCH-TC ngày 17/10/2024); đề xuất của Sở Tài chính tại các Tờ trình: Số 5993/TTr-STC, số 5994/TTr-STC và số 5998/TTr-STC ngày 14/11/2024; số 6048/TTr-STC ngày 15/11/2024 và ý kiến thống nhất của thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp 106.483,356 triệu đồng (Một trăm linh sáu tỷ, ba trăm năm mươi sáu triệu đồng) bổ sung dự toán cho các cơ quan, đơn vị kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao.

(Chi tiết theo phụ biểu đính kèm Quyết định này)

Điều 2. Trách nhiệm của các cá nhân, cơ quan, đơn vị:

- Sở Tài chính chịu trách nhiệm về tính chính xác, khách quan về nội dung, số liệu thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Các cơ quan, đơn vị có tên tại Điều 1 Quyết định này chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và cơ quan tài chính về nội dung, nhiệm vụ, số liệu đề xuất; quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí theo quy định pháp luật hiện hành, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, không trùng lặp.

Điều 3. Người có thẩm quyền phê duyệt quyết định giao bổ sung dự toán kinh phí chỉ chịu trách nhiệm về nội dung tại Điều 1, Điều 2 Quyết định này, không chịu trách nhiệm về những nội dung khác đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định hoặc giải quyết trước đó.

Điều 4. Các Ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ninh và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành. */mua*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - TT.HĐND tỉnh (b/c);
 - CT, các PCT UBND tỉnh;
 - Ban KTNS, HĐND tỉnh;
 - V0-V2;
 - Lưu: VT.TM3.
- 5b.QĐ 11-01

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Văn Diện
Vũ Văn Diện

PHỤ BIỂU 01:

(Kèm theo Quyết định số 3429 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh)

Chi tiết giao bổ sung/phân bổ dự toán kinh phí cho các cơ quan, đơn vị

TT	Số Tờ trình	Thời gian	Tên Đơn vị	Nội dung nhiệm vụ	Căn cứ thực hiện	Dự toán bổ sung (đồng)	Nguồn vốn
1	5994/TTr-STC	14/11/2024	Sở Thông tin và Truyền thông	Kinh phí tự chủ thực hiện điều chỉnh biên chế công chức năm 2024	Quyết định số 1238/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước thuộc tỉnh Quảng Ninh năm 2024	197.000.000	Nguồn chi khác, dự toán ngân sách tỉnh năm 2024
2	5998/TTr-STC		Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Thực hiện nhiệm vụ chi thuộc lĩnh vực quốc phòng của địa phương do tăng mức lương cơ sở	Nghị quyết số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang	3.622.000.000	Nguồn cải cách tiền lương, dự toán ngân sách tỉnh năm 2024
3	6048/TTr-STC	15/11/2024	Công ty TNHH MTV thủy lợi Yên Lập Quảng Ninh	Đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023	(1) Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh số 3972/QĐ-UBND ngày 21/12/2023, (2) số 4041/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 Quảng Ninh về việc phê duyệt phương án đặt hàng Công ty TNHH MTV thủy lợi Đông Triều và Công ty TNHH MTV thủy lợi Yên Lập Quảng Ninh quản lý, khai thác hệ thống công trình thủy lợi cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023; (3) Quyết định số 6025/QĐ-STC ngày 14/11/2024 của Sở Tài chính; số 6026/QĐ-STC ngày 14/11/2024 của Sở Tài chính phê duyệt quyết toán kinh phí đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với Công ty TNHH MTV thủy lợi Yên Lập Quảng Ninh và Công ty TNHH MTV thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh	1.284.038.000	Nguồn chi khác, dự toán ngân sách tỉnh năm 2024
			Công ty TNHH MTV thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh			838.318.000	
TỔNG						5.941.356.000	

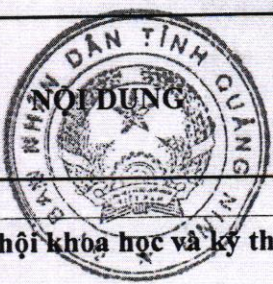
**PHỤ BIỂU 02 (TT 5993/TTtr-STC) : KINH PHÍ GIAO BỔ SUNG CHO CÁC ĐƠN VỊ
KHỎI TỈNH ĐỂ THỰC HIỆN MỨC LƯƠNG CƠ SỞ VÀ CHẾ ĐỘ TIỀN THƯỞNG
NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 1159/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh)



Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Tổng cộng	Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ	Nguồn kinh phí thực hiện
		$1=2+3$	2	3	4
	Tổng cộng	100.542	76.618	23.924	
1	Tỉnh uỷ Quảng Ninh	6.852	5.369	1.483	
2	Văn phòng UBND tỉnh	-	-	-	
3	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	-	-	-	
4	Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh	346	231	115	
5	Cơ quan Tỉnh đoàn	-	-	-	
6	Hội Nông dân tỉnh Quảng Ninh	456	364	92	
7	Trung tâm Truyền thông tỉnh	-	-	-	
8	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	17		17	
9	Sở Nội vụ	1.436	1.057	379	
10	Ủy ban MTTQ tỉnh	834	690	144	
11	Hội Cựu chiến binh tỉnh	316	248	68	
12	Trường Đại học Hạ Long	-	-	-	
13	Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh	850	603	247	
14	Sở Thông tin và Truyền thông	895	632	263	
15	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	4.440	3.417	1.023	
16	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	11.552	9.155	2.397	
17	Ban An toàn giao thông	133	104	29	
18	Sở Xây dựng	-	-	-	
19	Sở Giao thông vận tải	1.525	1.218	307	
20	Sở Tư pháp	848	587	261	
21	Sở Công thương	-	-	-	
22	Thanh tra tỉnh	1.363	1.118	245	

STT		Tổng cộng	Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ	Nguồn kinh phí thực hiện
		$1=2+3$	2	3	4
23	Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh Quảng Ninh	165	110	55	Từ nguồn cải cách tiền lương, dự toán ngân sách tỉnh năm 2024
24	Sở Ngoại vụ	587	460	127	
25	Sở Khoa học và Công nghệ	831	645	186	
26	Ban quản lý Vườn Quốc gia Bái Tử Long	1.051	851	200	
27	Ban Bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh	-	-	-	
28	Hội Đông Y	31	24	7	
29	Sở Y tế	18.260	12.821	5.439	
30	Sở Văn hóa và Thể thao	3.131	2.940	191	
31	Sở Du lịch	792	624	168	
32	Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ	-	-	-	
33	Sở Tài chính	1.842	1.434	408	
34	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1.325	1.027	298	
35	Ban Xúc tiến và hỗ trợ ĐT	-	-	-	
36	Ban dân tộc	521	413	108	
37	Liên Minh HTX - DNNQD	257	257	-	
38	Hội chữ thập đỏ	314	221	93	
39	Hội Văn học Nghệ thuật Quảng Ninh		-	-	
40	Hội người mù	137	68	69	
41	Hội Khuyến học	63	26	37	
42	Hội bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi	60	21	39	
43	Hội Luật gia	42	-	42	
44	Hội nạn nhân chất độc Dacam/dioxin	64	16	48	
45	Hội nhà báo	92	92	-	
46	Hội cựu thanh niên xung phong	56	21	35	
47	Ban Đại diện người cao tuổi tỉnh QN	51	16	35	
48	Sở Giáo dục và Đào tạo	38.741	29.530	9.211	
49	Sở Tài nguyên và Môi trường	266	208	58	